

CÔNG TY CỔ PHẦN LINH DƯỢC TAM GIA STAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LINH DƯỢC TAM GIA STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM GIA STAR SMARVELOUS PHARMA
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAMGIA STAR M PHARMA ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110567264

3. Ngày thành lập: 11/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

37 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966702228

Fax:

Email: tamgiastarvn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
2.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn chè - Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP)	4632(Chính)
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
5.	Trồng cây hàng năm khác	0119
6.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
7.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

8.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Nghị định 76/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bất động sản 2014)	6810
9.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 62,74 và 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
10.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
11.	Quảng cáo	7310
12.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
13.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
15.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng Theo Điều 4 Nghị định 67/2016/NĐ-CP (Sửa đổi bởi khoản 3 Điều 2 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	1079
17.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
18.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
19.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Điều 35 Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định về Thương mại điện tử)	4791
20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
27.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
28.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Điều hành tua du lịch	7912
31.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

6. **Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ PHUONG	37 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	15,000	0011550203 60	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	15,000		

2	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Tổ 9, Phường Thịnh Lang, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	50,000	017184011684	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	50,000		
3	NGUYỄN THANH HÙNG	Xóm 9, Xã Nghi Trung, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	315.000	3.150.000.000	35,000	040074010073	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	315.000	3.150.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DUY VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/07/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001095007508

Ngày cấp: 02/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, Xã Phúc Hòa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 3, Xã Phúc Hòa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội